

Số: 645/TTr-UBND

An Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Theo khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

“Điều 72. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

5. Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc

dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này.”.

Theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

“Điều 79. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa trong trường hợp sau đây:

1. Xây dựng công trình giao thông, bao gồm: đường ô tô cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn kể cả đường tránh, đường cứu nạn và đường trên đồng ruộng phục vụ nhu cầu đi lại chung của mọi người, điểm dừng xe, điểm đón trả khách, trạm thu phí giao thông, công trình kho bãi, nhà để xe ô tô; bến phà, bến xe, trạm dừng nghỉ; các loại hình đường sắt; nhà ga đường sắt; các loại cầu, hầm phục vụ giao thông; công trình đường thủy nội địa, công trình hàng hải; công trình hàng không; tuyến cáp treo và nhà ga cáp treo; cảng cá, cảng cạn; các công trình trụ sở, văn phòng, cơ sở kinh doanh dịch vụ trong ga, cảng, bến xe; hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông mà phải thu hồi đất để lưu không; các kết cấu khác phục vụ giao thông vận tải;

2. Xây dựng công trình thủy lợi, bao gồm: đê điều, kè, cống, đập, tràn xả lũ, hồ chứa nước, đường hầm thủy công, hệ thống cấp nước, thoát nước, tưới nước, tiêu nước kể cả hành lang bảo vệ công trình thủy lợi mà phải sử dụng đất; công trình thủy lợi đầu mối kể cả nhà làm việc, nhà kho, cơ sở sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng công trình thủy lợi thuộc phạm vi công trình thủy lợi;

3. Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước, bao gồm: nhà máy nước; trạm bơm nước; bể, tháp chứa nước; tuyến ống cấp nước, thoát nước; hồ điều hòa; công trình xử lý nước, bùn, bùn cặn kể cả nhà làm việc, nhà kho, cơ sở sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng công trình cấp nước, thoát nước;

4. Xây dựng công trình xử lý chất thải, bao gồm: trạm trung chuyển; bãi chôn lấp rác; khu liên hợp xử lý, khu xử lý, cơ sở xử lý chất thải, chất thải nguy hại kể cả nhà làm việc, nhà kho, cơ sở sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng công trình xử lý chất thải;

5. Xây dựng công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng, bao gồm: nhà máy điện và công trình phụ trợ của nhà máy điện; công trình đập, kè, hồ chứa nước, đường dẫn nước phục vụ cho nhà máy thủy điện; hệ thống đường dây truyền tải điện và trạm biến áp; công trình kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng thuộc phạm vi nhà máy điện; hệ thống chiếu sáng công cộng;

6. Xây dựng công trình dầu khí, bao gồm: giàn khai thác, công trình phục vụ khai thác, xử lý dầu khí, nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy chế biến khí, nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học; kho chứa dầu thô, kho chứa, trạm bơm xăng, dầu, khí, hệ thống đường ống dẫn, hành lang bảo vệ an toàn công trình để bảo đảm an toàn kỹ thuật; công trình kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng thuộc phạm vi công trình phục vụ khai thác, xử lý dầu, khí, nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy chế biến khí, nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học;

7. Xây dựng công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, bao gồm: nhà, trạm, cột ăng ten, cột treo cáp, cống, bể, ống cáp, hào, tuyến kỹ thuật và công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông và thiết bị được lắp đặt vào đó để phục vụ viễn thông; trung tâm dữ liệu; kể cả hành lang bảo vệ an toàn các công trình để bảo đảm an toàn kỹ thuật mà không được sử dụng vào mục đích khác; hệ thống cơ sở khai thác bưu gửi và điểm phục vụ bưu chính; điểm bưu điện - văn hóa xã; công trình kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng thuộc phạm vi công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;

8. Xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối;

9. Xây dựng công trình tín ngưỡng, bao gồm: đình, đền, am, miếu và công trình tín ngưỡng hợp pháp khác;

10. Xây dựng công trình tôn giáo, bao gồm: trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất; trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo; tượng đài, bia, tháp và công trình tôn giáo hợp pháp khác;

11. Xây dựng khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng, bao gồm: công viên, vườn hoa, bãi tắm và khu vực dành cho vui chơi giải trí công cộng khác; công trình hội họp và hoạt động khác phù hợp với phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư ở địa phương;

12. Xây dựng trụ sở cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức khác thành lập theo quy định của pháp luật được Nhà nước giao nhiệm vụ, hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên;

13. Xây dựng trụ sở hoặc văn phòng đại diện của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

14. Xây dựng cơ sở văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bao gồm: trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, cung văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc; công trình di tích; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật, cung thiếu nhi, nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, nhà bảo tàng, nhà triển lãm, thư viện, cơ sở sáng tác

văn học, cơ sở sáng tác nghệ thuật, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, trụ sở của đoàn nghệ thuật; công trình mở rộng, cải tạo, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; cơ sở văn hóa khác do Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động;

15. Xây dựng cơ sở y tế, cơ sở dịch vụ xã hội được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động, bao gồm: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở phục hồi chức năng; cơ sở y tế dự phòng; cơ sở dân số; cơ sở kiểm nghiệm; cơ sở kiểm chuẩn, kiểm định; cơ sở giám định y khoa; cơ sở giám định pháp y; cơ sở sản xuất thuốc; cơ sở sản xuất thiết bị y tế; trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội; trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội; trung tâm điều dưỡng người có công; cơ sở trợ giúp trẻ em; cơ sở tham vấn, tư vấn chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người nhiễm HIV/AIDS, người tâm thần; cơ sở cai nghiện ma túy; cơ sở nuôi dưỡng người già, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

16. Xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động, bao gồm: nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

17. Xây dựng cơ sở thể dục, thể thao do Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động, bao gồm: khu liên hợp thể thao, trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao; sân vận động, cơ sở thi đấu, tập luyện các môn thể thao;

18. Xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ do Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động, bao gồm: tổ chức nghiên cứu, phát triển, dịch vụ khoa học và công nghệ; tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; công viên khoa học, công nghệ; bảo tàng khoa học; hệ thống chuẩn đo lường;

19. Xây dựng cơ sở ngoại giao, bao gồm: trụ sở của các đại sứ quán, lãnh sự quán, văn phòng đại diện của các tổ chức ngoại giao nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ có chức năng ngoại giao; cơ sở ngoại giao đoàn do Nhà nước quản lý;

20. Xây dựng công trình sự nghiệp về xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, khí tượng, thủy văn, đăng kiểm, kiểm dịch động vật, thực vật;

21. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, trừ trường hợp thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất; dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ; dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, trừ trường hợp chủ sở hữu nhà chung cư thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định của Luật Nhà ở; dự án tái định cư;

22. Thực hiện dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ thông tin tập trung; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu phi thuế quan trong khu kinh tế;

23. Thực hiện dự án khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung có quy mô lớn, tập trung đồng bộ về kết cấu hạ tầng dùng chung từ khâu sản xuất đến chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản phục vụ trên phạm vi liên huyện, liên tỉnh hoặc liên vùng; dự án trồng, bảo tồn gen cây thuốc để phát triển dược liệu y học cổ truyền;

24. Thực hiện hoạt động lấn biển;

25. Hoạt động khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, kể cả hạng mục công trình phục vụ cho việc khai thác, chế biến khoáng sản gắn với khu vực khai thác và hành lang bảo vệ an toàn cho việc khai thác mà phải thu hồi đất;

26. Dự án vùng phụ cận các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển;

27. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; dự án khu dân cư nông thôn;

28. Nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, cơ sở lưu giữ tro cốt;

29. Thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Luật này;

30. Xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác, sử dụng công trình ngầm;

31. Thực hiện dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật;

32. Trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình vì lợi ích quốc gia, công cộng không thuộc các trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 31 của Điều này thì Quốc hội sửa đổi, bổ sung các trường hợp thu hồi đất của Điều này theo trình tự, thủ tục rút gọn.”.

Theo khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

“Điều 122. Điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác sau khi có Nghị quyết

của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đáp ứng các căn cứ quy định tại Điều 116 của Luật này, trừ trường hợp sử dụng đất thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”.

2. Cơ sở thực tiễn

Tại kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã thông qua danh mục 78 dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 và tại kỳ họp thứ 25, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã thông qua danh mục 13 dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024.

Hiện nay, có một số dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư cần phải triển khai thực hiện công tác chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất trồng lúa và thu hồi đất trong năm 2025. Đồng thời, có dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 trong quá trình thực hiện có phát sinh thay đổi diện tích thu hồi đất. Do đó, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND làm cơ sở để lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Các dự án đăng ký đảm bảo cơ sở pháp lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, được bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện và phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND làm cơ sở để lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, tổ chức sử dụng đất và tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai lập danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất trồng lúa, dự án có thu hồi đất thực hiện năm 2025.

Trên cơ sở các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết kèm theo danh mục dự án với các tiêu chí sau: Dự án có quyết định phê duyệt đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, được bố trí vốn thực hiện trong năm 2025 và phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang có ý kiến góp ý tại Công văn số 822/MTTQ-BTT ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Công văn số 892/MTTQ-BTT ngày 20 tháng 5 năm 2025.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 827/SNNMT-ĐĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, Công văn số 1502/SNNMT-ĐĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết và đã được Sở Tư pháp có ý kiến góp ý tại Công văn số 797/STP-XDKT&TDTHPL ngày 19 tháng 4 năm 2025, Công văn số 979/STP-XDKT&TDTHPL ngày 16 tháng 5 năm 2025.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã tổ chức cuộc họp Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết danh mục

dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã trình xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Tờ trình số 546/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025.

5. Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã họp và thống nhất có Tờ trình số 90-TTr/ĐU ngày 19 tháng 5 năm 2025 trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh An Giang về dự thảo Nghị quyết danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

6. Căn cứ Thông báo số 801-TB/TU ngày 22 tháng 5 năm 2025 ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh An Giang về nội dung dự thảo Nghị quyết danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều, cụ thể:

a) Điều 1. Thông qua danh mục 01 dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025.

b) Điều 2. Bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025.

c) Điều 3. Sửa đổi danh mục dự án có thu hồi đất năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

d) Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

đ) Điều 5. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025:

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thông qua danh mục 01 dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025. Cụ thể:

Dự án Nâng công suất khai thác và chế biến vật liệu xây dựng mỏ đá TUF ANDEZIT - ANDEZIT do Công ty TNHH Liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang làm chủ đầu tư, quy mô dự án là 698.160,00 m², diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ là 17.100,00 m² tại xã Châu Lăng và xã Lương Phi, huyện Tri Tôn.

(chi tiết Danh mục 01 kèm theo).

b) Bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND:

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thông qua bổ sung danh mục 12 dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025, với tổng diện tích thu hồi đất là 130.119,71 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 144.660,68 m². Bao gồm: Cấp huyện đầu tư 06 dự án, doanh nghiệp đầu tư 05 dự án và cơ sở tôn giáo đầu tư 01 dự án.

Cụ thể triển khai tại các huyện, thị xã, thành phố như sau:

(i) Thành phố Long Xuyên: 01 dự án xây dựng công trình giao thông, với diện tích thu hồi đất là 4.860,00 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 4.860,00 m²: Đường Lê Trọng Tấn (đoạn tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn đến đường Nguyễn Hữu Tiến hiện trạng).

(ii) Thành phố Châu Đốc: 02 dự án xây dựng khu tái định cư, giao thông, năng lượng, với diện tích thu hồi đất là 14.201,40 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 13.755,40 m², gồm:

- Dự án Khu tái định cư phường Núi Sam (Hạ tầng kỹ thuật Công viên văn hóa Núi Sam);

- Dự án Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Châu Đốc - Cái Dầu.

(iii) Thị xã Tân Châu: 01 dự án xây dựng công trình giao thông, với diện tích thu hồi đất là 2.824,62 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 30,88 m²: Nâng cấp, mở rộng lộ Long An - Châu Phong (đoạn từ cầu Nghĩa trang Liệt sĩ đến đường dẫn cầu Tân An).

(iv) Huyện An Phú: 01 dự án xây dựng khu dân cư, với diện tích thu hồi đất là 5.625,40 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 4.817,60 m²: Khu sắp xếp, ổn định dân cư huyện An Phú.

(v) Huyện Châu Phú: 02 dự án xây dựng công trình năng lượng, với diện tích thu hồi đất là 19.045,00 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 12.401,00 m², gồm:

- Dự án Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Châu Đốc - Cái Dầu;

- Dự án Trạm biến áp 220kV Chợ Mới và đầu nối.

(vi) Huyện Tri Tôn: 04 dự án xây dựng công trình xử lý nước thải, chất thải, tôn giáo và khoáng sản, với diện tích thu hồi đất là 25.563,29 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 50.795,80 m², gồm:

- Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bãi rác An Tức;

- Dự án Đầu tư mở rộng bãi rác xã An Tức;

- Dự án Nhà thờ Giáo xứ;

- Dự án Nâng công suất khai thác và chế biến vật liệu xây dựng mỏ đá TUF ANDEZIT - ANDEZIT.

(vii) Huyện Chợ Mới: 01 dự án xây dựng công trình năng lượng, với diện tích thu hồi đất là 58.000,00 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 58.000 m²: Dự án Trạm biến áp 220kV Chợ Mới và đầu nối.

(chi tiết Danh mục 02 kèm theo).

c) Sửa đổi danh mục dự án có thu hồi đất năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND:

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thông qua sửa đổi danh mục 01 dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND. Cụ thể:

Dự án Trạm 110kV KCN Hòa Bình và đường dây đầu nối đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thông qua diện tích thu hồi đất của hộ dân là 7.937,00 m², chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 7.937,00 m² tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022.

Đến ngày 12 tháng 5 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 742/QĐ-UBND phê duyệt quy mô dự án là 9.937,00 m². Theo đó, diện tích thu hồi đất là 9.937,00 m² và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 9.248,00 m² nên trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang chấp thuận sửa đổi diện tích thu hồi đất là 9.937,00 m² và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 9.248,00 m².

(chi tiết Danh mục 03 kèm theo).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025; bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết nghị.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 592/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. TU, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT (để báo cáo);
- Các Sở: NNMT, Tư pháp;
- UBND huyện, thị xã, thành phố
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTĐT.

Đính kèm: Dự thảo Nghị quyết và Danh mục.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức